

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phân bổ giao dự toán kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương năm 2022 cho các đơn vị dự toán khối tỉnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính về việc quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 4950/QĐ-UBND ngày 12/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 3935/STC-TCHCSN ngày 15/12/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**

1. Phân bổ dự toán kinh phí thực hiện cải cách chính sách tiền lương năm 2022 cho các đơn vị dự toán khối tỉnh theo quy định với số tiền là 20.364 triệu đồng từ nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách quản lý tập trung năm 2022 (*chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo Quyết định này và phụ lục 04 kèm theo Văn bản số 3935/STC-TCHCSN ngày 15/12/2022 của Sở Tài chính*).

2. Điều chỉnh giảm nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn lại qua các năm nhưng đến nay không còn sử dụng tại các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp với số tiền là 6.823.338 đồng; đồng thời tăng tương ứng nguồn kinh phí cải cách tiền lương ngân sách quản lý tập trung năm 2022 với số tiền là 6.823.338 đồng để thực hiện chính sách tiền lương theo quy định hiện hành (*chi tiết theo phụ lục 02 kèm theo Quyết định này*).

**Điều 2.** Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Kho bạc Nhà nước tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này; đồng thời, theo dõi, quản lý nguồn thực hiện cải cách chính sách tiền lương tại Điều 1

đảm bảo theo quy định Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính và các quy định Nhà nước hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K17.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**

Phụ lục 01

**Kinh phí bổ sung cho các đơn vị để tạo nguồn  
thực hiện cải cách tiền lương giai đoạn 2022-2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

<b>STT</b>	<b>Nguồn</b>	<b>KP bổ sung cho các đơn vị để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương giai đoạn 2022-2025</b>
1	Chi Quản lý hành chính	5.121,00
2	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	628,00
3	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	12.552,00
4	Chi sự nghiệp kinh tế	662,00
5	Chi sự nghiệp phát thanh- truyền hình	502,00
6	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	362,00
7	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	132,00
8	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	32,00
9	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	373,00
	<b>Tổng cộng</b>	<b>20.364,00</b>

## Phụ lục 02

**ĐIỀU CHỈNH GIÁM DỤ TOÁN KINH PHÍ CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG  
TẠI CÁC HỘI ĐẶC THÙ**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)*

*ĐVT: đồng*

<b>STT</b>	<b>Chương</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Số tiền</b>
1	448	Liên minh HTX	382.586
2	521	Hội Luật gia	49.572
3	517	Liên hiệp các TCHN	950.645
4	536	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	1.376.000
5	538	Hội Bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh	1.376.000
6	599	Hội Cựu tù chính trị tỉnh	240.000
7	522	Hội Chữ thập đỏ	1.507.417
8	535	Hội Đông y	615.058
9	533	Hội Người cao tuổi	326.060
		<b>Tổng cộng</b>	<b>6.823.338</b>